

Phụ lục I
DANH MỤC, THỦ TỤC NHẬP KHẨU VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU TRONG LĨNH VỰC IN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16 /2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Thiết bị chế bản

STT	Thiết bị	Thủ tục nhập khẩu	Yêu cầu đối với hàng hóa
1	Máy chuyên dùng ghi phim, ghi kẽm, tạo khuôn in trong hoạt động in	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 10 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
2	Máy phơi bản; máy tráng hiện, rửa bản; máy nướng bản; máy đục lỗ bản kẽm và thiết bị có tính năng tương tự	Không phải có giấy phép nhập khẩu	
3	Loại khác	Không phải có giấy phép nhập khẩu	

2. Thiết bị in

STT	Thiết bị	Thủ tục nhập khẩu	Yêu cầu đối với hàng hóa
I	Máy in sử dụng công nghệ ốp-xét (offset), ống đồng, flexo và máy in lưới (lụa)	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 20 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
II	Máy in sử dụng công nghệ kỹ thuật số		
1	Máy in laser		
1.1	Máy in laser có tốc độ in trên 50 tờ (khổ A4)/phút	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
1.2	Máy in laser có tốc độ in trên 50 tờ (khổ A4)/phút kết hợp tính năng photocopy màu (đa màu)	Giấy phép nhập khẩu	
1.3	Máy in laser có tốc độ in từ 50 tờ (khổ A4)/phút trở xuống có kết hợp tính năng photocopy màu (đa màu)	Giấy phép nhập khẩu	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
1.4	Máy in laser có tốc độ in từ 50 tờ (khổ A4)/phút trở xuống,	Không phải có giấy phép nhập khẩu	

2	Máy in phun		
2.1	Máy in phun có tốc độ in trên 50 tờ (khổ A4)/phút hoặc có khổ in trên A3	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 07 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
2.2	Máy in phun có tốc độ in trên 50 tờ (khổ A4)/phút hoặc có khổ in trên A3 kết hợp tính năng photocopy màu (đa màu)	Giấy phép nhập khẩu	
2.3	Máy in phun có tốc độ in từ 50 tờ (khổ A4)/phút trở xuống hoặc có khổ A3 trở xuống kết hợp tính năng photocopy màu (đa màu)	Giấy phép nhập khẩu	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
2.4	Máy in phun có tốc độ in từ 50 tờ (khổ A4)/phút trở xuống hoặc có khổ in từ A3 trở xuống	Không phải có giấy phép nhập khẩu	
III	Máy in nhiệt, máy in 3D và loại khác	Không phải có giấy phép nhập khẩu	

3. Thiết bị gia công hoàn thiện sản phẩm in

STT	Thiết bị	Thủ tục nhập khẩu	Yêu cầu đối với hàng hóa
1	Máy dao cắt (xén) giấy, máy gấp sách (gấp giấy), máy đóng sách (đóng thép hoặc khâu chỉ), máy vào bìa, máy kỹ mã liên hợp, dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in (từ hai công đoạn trở lên)	Giấy phép nhập khẩu	Được sản xuất không quá 25 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
2	Loại khác	Không phải có giấy phép nhập khẩu	

4. Thiết bị photocopy

STT	Thiết bị	Thủ tục nhập khẩu	Yêu cầu đối với hàng hóa
1	Máy photocopy màu (đa màu) chỉ có tính năng photocopy hoặc kết hợp tính năng khác	Giấy phép nhập khẩu	Chưa qua sử dụng (mới 100%) và được sản xuất không quá 03 năm tính từ năm sản xuất đến năm nhập khẩu
2	Máy photocopy đơn màu chỉ có tính năng photocopy hoặc kết hợp tính năng khác	Không phải có giấy phép nhập khẩu	

Phụ lục II
DANH MỤC, THỦ TỤC NHẬP KHẨU ĐỐI VỚI HÀNG HÓA
NHẬP KHẨU TRONG LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16 /2015/TT-BTTTT ngày 17 tháng 6 năm
2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Xuất bản phẩm^(*) (theo mã số HS)	Thủ tục nhập khẩu đối với xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh	Thủ tục nhập khẩu đối với xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh
Thuộc các nhóm: - 49.01; - 4903.00.00; - 4904.00.00; - 49.05; - 4910.00.00.	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu
Thuộc nhóm: 49.11 (trừ các mã: - 4911.91; - 4911.91.21; - 4911.91.31; - 4911.99.10; - 4911.99.20)	Văn bản xác nhận đăng ký nhập khẩu	Giấy phép nhập khẩu

***Chú giải:** Xuất bản phẩm được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật Xuất bản.